**Về bài thơ Phong Kiều dạ bạc của Trương Kế và những giai thoại thú vị liên quan**

**PGS.TS Nguyễn Công Lý**

*Phong Kiều dạ bạc* của Trương Kế là một thi phẩm kiệt tác không chỉ của văn học Trung Quốc đời Đường mà còn là của cả vùng văn học Đông Á. Bài thơ có nhiều giai thoại thú vị liên quan. Bài viết này sẽ trình bày lại có hệ thống những vấn đề vừa nêu.

**1.** Trương Kế hiện chưa rõ năm sinh và mất, chỉ biết tên tự là Ý Tôn, quê ở Tương Châu, tỉnh Hồ Bắc (nay là Tương Dương). Ông có kiến thức sâu rộng, thi rớt Tiến sĩ một lần, sau đó mới thi đỗ Tiến sĩ năm 753 niên hiệu Thiên Bảo thứ 12 đời Đường, được bổ làm chức quan nhỏ tại triều: chức Tư bộ viên ngoại lang, nghe nói về sau bị biếm, bị chuyển đi làm một chức quan ở địa phương xa. Bài thơ *Phong Kiều dạ bạc* được Trương Kế ứng tác trong một đêm đậu thuyền ở bến Phong Kiều ngoại thành Cô Tô lúc nhà thơ trên đường trở về nhà sau khi hỏng thi. Liên quan đến bài thơ này có nhiều giai thoại thú vị.

**2.** Chuyện kể rằng, sau khi thi rớt, Trương Kế trên đường về nhà bằng đường thủy có ngang qua Tô Châu, một đêm nọ đậu thuyền nơi bến Phong Kiều ở ngoại thành Cô Tô, trong cảnh u tịch lạnh lẽo với tiếng quạ kêu sương, trăng lặn, lại thêm nỗi niềm bức bối vì nghĩ mình có văn tài nhưng lại thi hỏng, nên đêm đó ông trằn trọc, không thể chợp mắt, bèn làm thơ, nhưng chỉ được hai câu đầu, đến nửa đêm, nhờ tiếng chuông chùa Hàn San ở gần đó vọng tới, đã tạo thi hứng giúp cho nhà thơ hoàn thành thi phẩm nổi tiếng này.

***Phong Kiều dạ bạc***

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,*

*Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.*

*Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,*

*Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.*

**楓橋夜泊**

月落烏啼霜滿天,  
江楓漁火對愁眠.  
姑蘇城外寒山寺,  
夜半鐘聲到客船.

Bản dịch thơ bằng chữ Nôm của Nguyễn Hàm Ninh khoảng giữa thế kỷ XIX:

***Đêm đỗ thuyền ở bến Ninh Kiều***

*Trăng tà chiếc quạ kêu sương,*

*Lửa chài cây bến sầu vương giấc hồ.*

*Thuyền ai đậu bến Cô Tô,*

*Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San(1)*

Bản dịch thơ của Tản Đà đầu thế kỷ XX:

*Quạ kêu, trăng lặn, sương rơi,*

*Lửa chài, cây bãi, đối người nằm co.*

*Con thuyền đậu bến Cô Tô,*

*Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San(2)*

Để có được thi phẩm kiệt tác theo thể thất ngôn tuyệt cú Đường luật này nhờ tiếng chuông chùa Hàn San vọng tới chiếc thuyền khách lúc nửa đêm. Nhưng tại sao nhà chùa lại thỉnh chuông lúc nửa đêm? Theo thông lệ, các chùa thuộc hệ phái Bắc tông chỉ thỉnh chuông trong hai thời công phu chiều và khuya, đằng này lại thỉnh chuông lúc nửa đêm! Nhà nghiên cứu Trần Trọng San trong tập *Thơ Đường*, khi tuyển dịch bài thơ này, ông có ghi lại giai thoại khá lãng mạn rằng: Đêm trăng hôm ấy tại chùa Hàn San có hai thầy trò nhà sư thao thức vì thơ. Sư trụ trì cảm khái tức cảnh được hai câu: *Sơ tam sơ tứ nguyệt mông lung/ Bán tự ngân câu bán tự cung.* Nghĩ mãi, nhà sư cũng không thể viết tiếp hai câu sau. Bỗng nhiên có tiếng gõ cửa. Đêm ấy đồ đệ cũng cảm khái vì cảnh, làm được hai câu rồi tắc tị nên mới đến gõ cửa nhờ sư phụ gợi ý. Hai câu của trò viết như sau: *Nhất phiến ngọc hồ phân lưỡng đoạn/ Bán trầm thủy để, bán phù không*. Nghe xong, sư phụ mừng quá, chắp tay tạ Phật vì quả thật hai câu thơ của đồ đệ hợp với hai câu thơ của thầy, tạo thành một bài tứ tuyệt rất hay. Đó là cái Duyên. Trần Trọng San đã dịch bài tứ tuyệt này như sau:

*Mồng ba, mồng bốn, trăng mờ/ Nửa dường móc bạc nửa như cung trời.*

*Một bình ngọc trắng chia hai,/ Nửa chìm đáy nước nửa cài từng không(3).*

Sau đó sư phụ bảo đồ đệ thỉnh chuông để tạ ơn Phật tổ. Đêm ấy, tại chiếc thuyền nơi bến Phong Kiều ngoài thành Cô Tô, Trương Kế cũng không ngủ được, tức cảnh được hai câu “*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,/ Giang phong ngư hỏa đối sầu miên”* rồi không thể viết tiếp. Nhờ tiếng chuông này mà ông đã hoàn thành bài tứ tuyệt kiệt tác như trên.

Nhờ nổi tiếng mà trong các bộ hợp tuyển thơ Đường ở Trung Quốc như *Đường thi nhất bách thủ, Đường thi tam bách thủ* và trong các bộ tuyển dịch thơ Thơ Đường ở Việt Nam, các soạn giả như Tản Đà, Trần Trọng Kim, Ngô Tất Tố, Trần Trọng San, Lê Nguyễn Lưu,... đều chọn bài thơ này để tuyển vào trong các công trình.

**3**. Để rồi hơn một ngàn hai trăm năm sau, tại một xóm nhỏ bên bờ sông Mã nơi xứ Thanh, nhờ bài thơ này mà đã tạo nên duyên cầm sắt, và kết quả cái duyên ấy đã sinh ra một nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ mới: Hồ Dzếnh (tức Hà Triệu Anh, 1916-1991) với các tập thơ nổi danh như *Quê Ngoại* (1942), *Hoa xuân đất Việt* (1946), và một số truyện như *Dĩ vãng* (truyện vừa 1940), *Chân trời cũ* (tập truyện ngắn 1943)...

Chuyện kể rằng hồi thập niên thứ hai đầu thế kỷ 20, có ông thầy thuốc người Tàu quê Quảng Đông tên là Hà Kiến Huân đi bán thuốc dạo, một buổi chiều tối nọ ông đến bến Ghép thuộc làng Đông Bích xã Quảng Trường huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa định tìm đò ngang qua sông, nhưng lúc đó không còn chuyến đò nào, đành phải ở lại bên này sông, và xin tá túc tại nhà người lái đò. Nhưng nhà người lái đò lại mẹ góa con côi, không thể để cho người đàn ông lạ ngủ trong nhà mình, đành đem cái nong ra ngoài sân để ông ta ngủ tạm qua đêm. Hôm ấy có trăng, sương xuống lạnh, quá nửa đêm, ông thầy bán thuốc cũng không sao chợp mắt được, ông cất tiếng ngâm bài thơ *Phong Kiều dạ bạc* của Trương Kế bằng tiếng Quảng Đông. Hai mẹ con nhà lái đò nghe âm điệu xí xô xí xào thấy lạ quá nên mở cửa ra xem và nấu nước trà đãi người khách trọ. Dù khác nhau về ngôn ngữ nhưng qua âm điệu thơ, cô lái đò đã cảm được bài thơ, nên cuối cùng người khách trọ dừng chân tại nơi này, nên duyên với cô lái đò, để sau đó sinh ra Hồ Dzếnh như trên có điểm qua.

**4.** Bài thơ của Trương Kế đã ghi lại một số địa danh khá nổi tiếng thường gặp trong thi ca Trung Quốc như bến Phong Kiều 楓橋, thành Cô Tô 姑蘇, chùa Hàn San 寒山, đều thuộc Tô Châu huyện Ngô tỉnh Giang Tô. Gọi là bến Phong Kiều là vì nơi chiếc cầu bắc qua đây có hàng cây phong (gần chùa Hàn San). Thành Cô Tô là một địa danh lịch sử gắn với sự kiện “lửa cháy Cô Tô đài” thời chiến tranh giữa hai nước Ngô (Phù Sai) và Việt (Câu Tiễn), cùng mối tình Phạm Lãi - Tây Thi đầy lãng mạn và lắm éo le. Chùa Hàn San là một ngôi chùa cổ gắn với tên của hai vị thiền sư nổi tiếng là Hàn San và Thập Đắc. Gần hai chục năm trước, trong giới nghiên cứu ở ta có người cho rằng “ô đề” là tên thôn (Ô Đề thôn), “sầu miên” là tên núi đá (Sầu Miên thạch)... như trong một bài viết trên Tạp chí *Hán Nôm*(4). Đúng là hiện nay, tại nơi đây nghe nói có hai địa danh vừa nêu, nhưng liệu vào đời Đường đã có địa danh này chưa, hay là vì bài thơ quá nổi tiếng nên người đời sau ở đây đã dựa vào một vài từ ngữ trong bài thơ mà đặt tên? Lại có người nói “giang phong” và “ngư hỏa” (nếu là tên địa danh thì phải viết hoa) là tên hai ngọn núi gần đó.

Thực tế, bên cầu chùa gần có hàng phong nên gọi là Phong Kiều, và trên sông đêm đêm có ánh lửa đèn của nhà thuyền chài (ngư hỏa). Nếu căn cứ vào một vài bài thơ viết sau đời Đường như bài thơ của Tần Thục đời Tống: *Ô đề nguyệt lạc kiều biên tự* (Quạ kêu trăng xế chùa bên cầu) và thơ Khang Hữu Vi đời Thanh: *Lãnh tận Hàn San cổ tự phong* (Lạnh đến cả cây phong bên chùa cổ Hàn San) thì rõ ràng rằng *giang phong* và *ngư hỏa* trong bài thơ của Trương Kế là *cây phong bên sông* và *ánh lửa đèn nhà chài* chứ không phải là tên hai ngọn núi. Cũng vậy, *ô đề* là tiếng quạ kêu (sương), *sầu miên* là giấc ngủ buồn, chứ không phải là tên thôn và tên núi đá.

Để khẳng định thêm cái ý vừa nêu, có thể minh chứng thêm vài bài thơ khác, nhà thơ Vương Ngư Dương đời Thanh từng đi thuyền ngang qua Tô Châu có đỗ lại ở bến Phong Kiều, lúc ấy trời vừa xẩm tối đang mưa gió, ông có viết hai bài thất ngôn tứ tuyệt đề trước cửa chùa Hàn San:

Bài thứ nhất:

*Nhật mộ đông đường chính lạc triều/ Cô bồng bạc xứ vũ tiêu tiêu.*

*Sơ chung dạ hỏa Hàn San tự/ Ký quá Ngô phong đệ kỷ kiêu.*

Dịch thơ:

*Chiều tối thủy triều rút phía Đông,/ Thuyền côi đậu dưới trận mưa giông.*

*Chuông thưa, ánh lửa, Hàn San tự,/ Ngô huyện qua cầu có bến phong.*

(NCL dịch)

Bài thứ hai:

*Phong diệp tiêu tiêu thủy dịch không,/ Ly cư thiên lý trướng nan Đông.*

*Thập niên cựu ước Giang Nam mộng/ Độc thính Hàn San bán dạ chung.*

Dịch thơ:

*Bến vắng đìu hiu tiếng lá phong/ Nhớ quê vạn dặm khó khuây lòng.*

*Giang Nam mộng cũ mười năm trước/ Chuông vọng, Hàn San giữa tịch không.*

(NCL dịch)

Cả hai bài thơ đều nhắc đến cây phong nơi bến sông gần chùa Hàn San. Điều này có nghĩa *giang phong* chính là *cây phong bên bến sông* chứ chẳng phải là tên một ngọn núi như có người đã nói.

Cả bài thơ là nỗi niềm tâm sự của Trương Kế. Một nỗi sầu buồn. Nỗi sầu buồn ấy được thi nhân gửi gắm qua tiếng quạ kêu sương thảng thốt trong đêm khuya giữa lúc trăng lặn sương rơi. Nỗi sầu buồn còn vương vấn vào giấc ngủ trằn trọc, chập chờn của ngư phủ (và cũng là của thi nhân) đối diện với hàng cây phong, với ánh lửa đèn nhà chài. Những hình ảnh thơ tả thực nhưng đồng thời lại lộ vẻ hư ảo. Chính cái vừa hư vừa thực tạo nên cái hồn của bài thơ, cái sức hút, sức hấp dẫn của bài thơ. Giá trị kiệt tác chính là ở chỗ này.

**5**. Âm hưởng của bài thơ còn kéo dài mãi đến sau này. Xin khép lại bài viết bằng mấy dòng thơ của một thi sĩ suốt một đời thủy chung với thể Đường luật. Nhà thơ Quách Tấn trong tập *Mùa cổ điển* có những dòng thơ tuyệt đẹp trong bài *Đêm thu nghe quạ kêu* đã lấy lại ý tưởng của Trương Kế trong bài *Phong Kiều dạ bạc* và bài *Ô Y hạng* của Lưu Vũ Tích đời Đường nhưng có sáng tạo mới, cách diễn đạt mới:

*Từ Ô Y hạng rủ rê sang,*

*Bóng lẫn đêm thâu tiếng rộn ràng*

*Trời bến Phong Kiều sương thấp thoáng,*

*Thu sông Xích Bích nguyệt mơ màng.*

*Bồn chồn thương kẻ nương song bạc*

*Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng.*

*Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi,*

*Tình hoang mang gợi tứ hoang mang(5)*.

**Chú thích**

(1). Theo: Lý Văn Hùng, Việt Nam văn chương trích diễm, Sài Gòn, 1961.

(2). Theo: Thơ Đường, Tản Đà dịch, Hội Nghiên cứu giảng dạy Văn học thành phố Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Trẻ, tái bản, 1989.

3. Thơ Đường, Trần Trọng San tuyển dịch, Sài Gòn, 1957.

4. Trần Đắc Thọ: Tư liệu mới về một bài thơ Đường nổi tiếng, Tạp chí Hán Nôm, số 3-1997. Xin đọc thêm: Nguyễn Quang Tuân: Đến Hàn San tự để tìm hiểu bài thơ Phong Kiều dạ bạc của Trương Kế, trang web Phật giáo Bạc Liêu, cập nhật ngày 14/12/2008; Hà Quảng: Trao đổi thêm về bài thơ Phong Kiều dạ bạc, trang Wikipedia Tiếng Việt, cập nhật ngày 10/8/2004.

5. Quách Tấn, Mùa cổ điển, Nxb Thụy Ký, Hà Nội, 1991